TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2024/HNGĐ-TLST ngày 18/01/2024, về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Thôn Q, xã Ng, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đang lao động ở : Đài Loan, Trung Quốc.

Hiện có mặt tại Việt Nam.

2. Bị đơn : Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ : Thôn Q, xã Ng, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Ng, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 16/9/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2015 chị sang Đài Loan – Trung Quốc lao động vợ chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau, hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có hai con chung là Trần Quốc C, sinh ngày 04/01/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 31/12/2009. Hiện nay hai con chung đang ở cùng với anh H. Chị đồng ý để anh H nuôi các con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H là 1.500.000đồng/tháng/1 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như chị H trình bày là đúng. Sau ngày cưới kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng vẫn sống hòa thuận. Năm 2015 chị H đi Đài Loan-Trung Quốc và không quan tâm đến bố con anh, mỗi lần liên lạc bằng điện thoại, anh đều bị chị H chặn số. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn ly hôn, anh mong muốn chị H suy nghĩ rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dậy con chung. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện nay anh nuôi hai con, nếu ly hôn anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Trường hợp anh nuôi hai con, anh yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/tháng/1 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung là Trần Quốc C và Trần Quốc D đều có nguyện vọng được ở với bố Trần Văn H khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H đều vắng mặt chị H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh H đã triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc C, sinh ngày 04/01/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 31/12/2009 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H mỗi con là 1.500.000đồng/tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã Ng, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đang lao động tại Đài Loan – Trung Quốc, hiện có mặt tại Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H được triệu tập hợp lệ 2 lần những vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Ng, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 16/9/2005, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H, anh H sinh sống mỗi người ở một nơi trong thời gian dài, cả hai không quan tâm, thiếu sự tin tưởng nên không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng và kéo dài, việc anh H mong muốn chị H rút đơn về đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, trong khi đó chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H có hai con chung là Trần Quốc C, sinh ngày 04/01/2008 và Trần Quốc D, sinh ngày 31/12/2009. Xét thấy, cháu Cường và cháu Dũng sống cùng bố từ bé, trong thời gian tới chị H tiếp tục sang nước ngoài lao động nên không có điều kiện để nuôi

con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con cần tiếp tục giao cả hai con chung cho anh H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H là 1.500.000đồng/tháng/1con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp chị H có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Trần Văn H.**

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Quốc C, sinh ngày 04/01/2008 và con Trần Quốc D, sinh ngày 31/12/2009.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng tiền cho con Trần Quốc C và Trần Quốc D số tiền là 1.500.000đồng/tháng x 2 con = 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2024 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H không thi hành khoản tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468

Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000420 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tạii các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Ngũ Phú, huyện K;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân